

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2021/HNGD-ST
Ngày 08 tháng 9 năm 2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG - TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Thanh**.

2. Ông: **Hảng A Nếnh**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Hồng Ngân** – Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng - tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Ông **Vũ Trí Giáp** – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Tòng Thị T**; Sinh năm 1992

Nơi cư trú: Bản H, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Tòng Thị T: Bà **Lê Thị X**, sinh năm 1955; Luật Sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Anh **Quàng Văn D** (tên khác: **Quàng Văn R**); sinh năm 1990

Nơi cư trú: Bản H, xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Tòng Thị T** trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh **Quàng Văn D** lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2010 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn hai bên tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, đầm ấm. Sau đó giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống vợ chồng tôi không tìm được tiếng nói chung trong việc nuôi dạy con và kinh tế. Mặc dù được hai bên nội, ngoại hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn của hai vợ chồng vẫn không thể giải quyết. Từ tháng 02 năm 2021 đến

nay tôi và anh D đã sống ly thân. Nay tôi thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Quảng Văn D.

Về con chung: Tôi và anh D có 02 người con chung: Cháu Quảng Thành Đ, sinh ngày: 04/10/2010; cháu Quảng Minh N, sinh ngày 20/9/2016. Nguyên vọng của tôi là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

Bị đơn anh Quảng Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị Lò Thị T lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 19/8/2010 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trong quá trình chung sống có xảy ra cãi vã nhưng chưa đến mức trầm trọng. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ tháng 03 năm 2021 cho đến nay chưa được sự đồng ý của tôi, tôi mong muốn chị T quay về để cùng nhau nuôi dạy các con. Nay chị T xin ly hôn tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị T có 02 người con chung: Cháu Quảng Thành Đ, sinh ngày: 04/10/2010; cháu Quảng Minh N, sinh ngày 20/9/2016. Tôi không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung. Nhưng Tòa án cho tôi và chị T ly hôn tôi có mong muốn được nuôi cháu Đ vì hiện nay cháu Đ vẫn đang ở cùng với tôi.

Về tài sản; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ lấy về: Không có (không yêu cầu tòa án giải quyết).

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị T là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị T và anh Quảng Văn D đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 19/8/2010 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian. Sau đó chị T và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị đã sống ly thân đã lâu, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bốn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và tuyên bố chị T được ly hôn anh D.

Thứ hai về con chung: Chị T và anh D có 02 người con chung: Cháu Quảng Thành Đ, sinh ngày: 04/10/2010; cháu Quảng Minh N, sinh ngày 20/9/2016. Giao chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị T và anh D không có tài sản chung; Nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có.

Về án phí: Chị T là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng

điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án miễn toàn bộ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm cho chị T.

Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:

Về thủ tục: Quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, Tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị T và anh Quàng Văn D đăng ký kết hôn từ ngày 19/8/2010 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn với nhau hai bên tự tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau, quá trình tìm hiểu không có sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Từ khi lấy nhau chị T, anh D chung sống hạnh phúc được 07 năm thì xảy ra mâu thuẫn, do tính cách không hợp, bất đồng về quan điểm sống vợ chồng. Mặc dù được 2 bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không thành, anh chị ly thân đã lâu, không còn chăm sóc quan tâm đến nhau. Nên áp dụng khoản 1 điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình; Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên xử cho chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn D.

Về con chung: Chị T và anh D có 02 người con chung: Cháu Quàng Thành Đ, sinh ngày 04/10/2010; cháu Quàng Minh N, sinh ngày 20/9/2016. Hiện nay cháu Quàng Thành Đ đang ở cùng với anh Quàng Văn D, cháu Quàng Minh N đang ở với chị Tòng Thị T.

Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ. Giao cho chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu N cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Đ cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị T và anh D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung: Chị Tòng Thị T, anh Quàng Văn D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Về án phí: Chị Tòng Thị T là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH Quy định về mức T, miễn giảm, T nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Miễn án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Tòng Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình Tộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Mường Ảng theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 01/7/2021 Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” giữa nguyên đơn là chị Tòng Thị T và bị đơn anh Quàng Văn D. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án; Tòa án ra thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, Tòa án ra Thông báo hòa giải lần 2 đã tiến hành gửi chuyển phát, anh D đã ký nhận nhưng 02 buổi hòa giải anh D không đến tham gia hòa giải. Do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Quàng Văn D có mặt.

Theo nội dung đơn xin ly hôn, lời trình bày của chị Tòng Thị T tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2]. **Về hôn nhân:** Chị Tòng Thị T và Anh Quàng Văn D lấy nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn 19/8/2010 tại UBND xã B, huyện M, tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn chị T và anh D chung sống hạnh phúc, sau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do chị T và anh D bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiền nói chung. Đỉnh điểm mâu thuẫn vợ chồng, từ tháng 02 năm 2021 đến nay anh chị đã sống ly thân, không quan tâm, liên lạc với nhau, chị T, anh D không còn tiếng nói chung, thường xuyên xúc phạm nhau. Xét thấy, vợ chồng anh chị không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, ai biết bổn phận của người đó, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh D đã mâu Tẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 56, điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T. Tuyên xử cho chị Tòng Thị T được ly hôn với anh Quàng Văn D.

[3]. **Về con chung:** Chị T và anh D có 02 người con chung: Cháu Quàng Thành Đ, sinh ngày: 04/10/2010; cháu Quàng Minh N, sinh ngày 20/9/2016. Tại phiên tòa chị T và anh D tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chung Hội đồng xét xử thấy rằng:

Cháu Quàng Thành Đ hiện nay đang sống cùng với anh Quàng Văn D từ khi vợ chồng chị ly thân; cháu Quàng Minh N đang sống ổn định cùng mẹ từ khi vợ chồng chị T, anh D sống ly thân, các cháu vẫn còn nhỏ nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt của cháu. Nên giao chị T, anh D nuôi một người con để đảm bảo về mọi mặt của các cháu, cũng phù hợp với nguyện vọng của chị T và anh D.

Áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật HNGĐ giao cháu Quàng Minh N cho chị Tòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Giao cháu Quàng Thành Đ cho anh Quàng Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Chị Tòng Thị T và anh Quảng Văn D không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung; tài sản riêng; nợ chung:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Tòng Thị T, anh Quảng Văn D không có, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

Ý kiến của Kiểm sát viên, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Tòng Thị T, anh Quảng Văn D là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[5]. Về án phí: Xét thấy chị Tòng Thị T là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS 2015.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Tòng Thị T; Chị Tòng Thị T được ly hôn anh Quảng Văn D (Tên khác: Quảng Văn R).

2. Về con chung: Giao cháu Quảng Minh N, sinh ngày 20/9/2016 cho chị Tòng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Giao cháu Quảng Thành Đ, sinh ngày: 04/10/2010 anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động

Chị T, anh D chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời điểm giao nuôi hai cháu Quảng Minh N, cháu Quảng Thành Đ cho chị T, anh D kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Chị T, anh D có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em;

Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Tòng Thị T.

Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã B, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vân